

Bản án: 307/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2025

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm H

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Tuấn

Bà Nguyễn Hồng Cúc

- Thư ký phiên Tòa: Ông Đoàn Thanh Nhã là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Nhất Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 427/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 155/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa :

-Nguyên đơn: Anh Trương Đức T, sinh năm: 2001 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp X, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp X, xã L, tỉnh An Giang)

-Bị đơn: Chị Quách Thị Diễm H, sinh năm: 2001 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp X, xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp X, xã L, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Trương Đức T trình bày: Anh và chị Quách Thị Diễm H tự tìm hiểu quen biết, cưới nhau năm 2019 có đăng ký kết hôn ngày 18/3/2022 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là xã L, tỉnh An Giang). Vợ chồng chung sống thời gian đầu cũng hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi nhau, sống không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dần rạn nứt bản thân anh và chị H cũng đã

cho nhau cơ hội sửa đổi để xây dựng hôn nhân hạnh phúc nhưng không mang lại hiệu quả. Anh cho rằng tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân hạnh phúc bền vững không thể nào đạt được nên anh yêu cầu ly hôn chị H. Về con chung, anh xác định anh và chị H có một con chung tên Trương Đức A, sinh ngày 17/8/2019, hiện đang sống với anh. Anh yêu cầu con đang ở với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Quách Thị Diễm H không giao nộp bản khai thể hiện ý kiến hoặc có văn bản phản đối với các yêu cầu khởi kiện của anh T và vắng mặt qua các lần mời của Tòa.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thực hiện không đúng quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Đức T trình bày anh và chị H đã ly thân nhau từ 9 năm 2022 cho đến khi khởi kiện là phù hợp với biên bản lấy lời khai do Tòa án thực hiện về việc ly thân của các đương sự. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của các đương sự đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T về việc xin ly hôn chị H.

Về con chung, căn cứ quy định tại Điều 81, 82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao con chung tên Trương Đức A, sinh ngày 17/8/2019 cho anh T nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị H.

Về tài sản và nợ chung không có, đề nghị không giải quyết.

Về án phí: đề nghị áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc anh T nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: Anh Trương Đức T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với chị Quách Thị Diễm H nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn nuôi, con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại xã L, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang).

Anh Trương Đức T với tư cách là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, riêng chị H là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ

lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên Tòa cho chị H nhưng vắng mặt qua các lần mời Tòa không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh T và chị H.

[2]. Về nội dung vụ án :

2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác định anh và chị H tự tìm hiểu quen biết trước và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long Thanh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là xã L, tỉnh An Giang) chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh T và chị H xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài anh và chị H đã ly thân từ năm 2022, giữa anh và chị H thiếu sự quan tâm chăm sóc giữa vợ và chồng làm cho mục đích để xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, bản thân chị H cũng không có thiện chí để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh vắng mặt qua các lần mời của Tòa, hiện tại anh T xác định chị đã không còn sống chung với chị H nên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho anh T được ly hôn chị H [2.2] Về con chung:

[2.2] Về con chung: anh T xác định anh và chị H có một con chung tên Trương Đức A, sinh ngày 17/8/2019, hiện đang sống với anh. Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Xét thấy, chị H không có ý kiến phản đối với yêu cầu của anh T và hiện tại con đang sống với anh T nên có căn cứ xét yêu cầu về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung của anh T là có cơ sở, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao Trương Đức A, sinh ngày 17/8/2019 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của anh T được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 87 ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân huyện Giồng Riềng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 –An Giang) . Anh T đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng áp phí lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trương Đức T được ly hôn với chị Quách Thị Diễm H.

2. Về con chung: xử giao con chung Trương Đức A, sinh ngày 17/8/2019 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Chị H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Buộc anh Trương Đức T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 87 ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 –An Giang). Anh T đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 5- An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã

- Lưu HS, VP.